

16/177 
Kế Hoạch
NĐ

SỞ GIÁM ĐỊNH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 23239
Giờ: Ngày 11 tháng 8 năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
đã được soát xét



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-29
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-29



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000545 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 16 tháng 03 năm 2009.

Trụ sở của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồ Quảng	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng	Ủy viên
Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Hợp	Quyền Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Quảng	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Xuân	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Kim Loan	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Trần Nam Bắc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Đỗ Văn Hợi
Quyền Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010



Số: 789/2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được lập ngày 20 tháng 07 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2010

Trần Quang Mẫu
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN.	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		514.408.178.201	430.202.033.825
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		31.187.604.919	6.411.497.828
111	1. Tiền	3	31.187.604.919	6.411.497.828
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		105.661.526.230	153.986.975.022
131	1. Phải thu của khách hàng		80.958.056.126	150.643.008.124
132	2. Trả trước cho người bán		14.176.677.591	3.303.514.204
135	5. Các khoản phải thu khác	4	10.526.792.513	40.452.694
140	IV. Hàng tồn kho		361.383.245.336	262.172.942.667
141	1. Hàng tồn kho	5	361.383.245.336	262.172.942.667
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.175.801.716	7.630.618.308
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		647.767.779	125.571.486
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.407.229.370	7.413.791.301
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.368.145	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	2.115.436.422	91.255.521
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		93.113.027.829	90.714.786.605
220	II. Tài sản cố định		87.826.008.503	74.704.679.803
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	57.608.811.893	52.513.836.063
222	- Nguyên giá		80.106.629.510	71.833.978.906
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(22.497.817.617)	(19.320.142.843)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	19.672.938.645	9.174.188.643
228	- Nguyên giá		19.689.063.636	9.189.063.636
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(16.124.991)	(14.874.993)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	10.544.257.965	13.016.655.097
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	-	10.484.817.421
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	10.484.817.421
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.287.019.326	5.525.289.381
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.914.256.917	4.501.480.900
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.2	1.372.762.409	1.023.808.481
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		607.521.206.030	520.916.820.430

1.553
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
LIÊN VU
TÀI CHÍNH
VÀ
HỢP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		420.763.807.855	353.339.967.504
310	I. Nợ ngắn hạn		420.550.312.017	353.137.671.666
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	232.548.953.932	183.750.828.155
312	2. Phải trả người bán		108.426.175.118	148.526.946.374
313	3. Người mua trả tiền trước		1.530.843.883	3.768.953.714
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	17.380.739.721	12.391.021.171
315	5. Phải trả người lao động		334.877.105	914.674.513
316	6. Chi phí phải trả	14	594.061.740	1.537.804.785
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	53.704.833.380	57.654.321
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.029.827.138	2.189.788.633
330	II. Nợ dài hạn		213.495.838	202.295.838
333	3. Phải trả dài hạn khác		180.870.306	169.670.306
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		32.625.532	32.625.532
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		176.394.800.626	167.576.852.926
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	176.394.800.626	167.576.852.926
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		110.000.000.000	110.000.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	373.063.235
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		17.009.247.915	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		14.578.260.521	9.791.849.734
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.807.292.190	47.411.939.957
439	C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ		10.362.597.549	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		607.521.206.030	520.916.820.430



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		1.340.435,06	8332,83

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hợi
Quyền Giám đốc



Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2010 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	680.656.234.589
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		680.656.234.589
11	4. Giá vốn hàng bán	18	631.387.145.521
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.269.089.068
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	696.578.374
22	7. Chi phí tài chính	20	12.276.820.764
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		6.112.876.076
24	8. Chi phí bán hàng	21	1.054.574.881
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	4.569.580.376
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		32.064.691.421
31	11. Thu nhập khác		199.492.515
32	12. Chi phí khác		662.437.982
40	13. Lợi nhuận khác		(462.945.467)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.601.745.954
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.1	7.801.867.550
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	23.2	(348.953.928)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.148.832.332
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(122.219.872)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>24.271.052.204</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	2.206

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hợi
Quyền Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2010
			VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế		31.601.745.954
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	Khấu hao tài sản cố định		3.296.120.232
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(144.212.625)
06	Chi phí lãi vay		6.112.876.076
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.866.529.637
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		41.762.859.822
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(99.210.302.669)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		16.764.340.923
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		65.027.690
13	Tiền lãi vay đã trả		(7.050.787.927)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.151.373.095)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.900.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.590.707.075)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.525.512.694)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.130.348.188)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		190.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		238.830.256
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.701.517.932)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		288.583.042.796
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(240.581.105.079)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.998.800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		37.003.137.717
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		24.776.107.091

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.411.497.828
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>31.187.604.919</u>

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hợi
Quyền Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010




BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000545 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 16 tháng 03 năm 2009.

Vốn điều lệ của Công ty là: 110.000.000.000 VND (Một trăm mười tỷ đồng). Tương đương 11.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	Sản xuất và kinh doanh thương mại
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh thương mại

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000545 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 16 tháng 03 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và ngành nước);
- Sửa chữa, lắp đặt và bảo hành các sản phẩm công ty kinh doanh;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành xây dựng;
- Sản xuất tấm lợp kim loại, sản xuất cầu kiện thép hình, khung nhà tiền chế;
- Mua bán nguyên liệu nhựa và sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ xây dựng, sản xuất và tiêu dùng;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường), chợ và siêu thị;
- Kinh doanh bất động sản (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô, dịch vụ sửa chữa ô tô và vận tải hành khách;
- Sản xuất, buôn bán đồ gỗ nội thất;
- Cho thuê văn phòng.



2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

31353
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
HÀNG
TỰ
KIỂM TO

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 kỳ.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	02 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay



Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo.

31353-C
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
M TOÀN
A - TP. H

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

3 . TIỀN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	44.665.529	256.458.000
Tiền gửi ngân hàng	31.142.939.390	5.755.039.828
Tiền đang chuyển	-	400.000.000
	31.187.604.919	6.411.497.828

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về tiền cho các đối tượng khác vay	10.500.000.000	-
Phải thu khác	26.792.513	40.452.694
	10.526.792.513	40.452.694

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	246.131.694.060	161.608.601.079
Công cụ, dụng cụ	-	51.952.748
Thành phẩm	16.502.138.981	15.689.054.565
Hàng hoá	98.749.412.295	84.823.334.275
	361.383.245.336	262.172.942.667

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	650.406.422	81.255.521
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.465.030.000	10.000.000
	2.115.436.422	91.255.521

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYỄN GIÁ											
Số dư đầu kỳ	20.319.009.975	35.651.882.311	15.719.651.292	143.435.328	-	-	-	71.833.978.906			
Số tăng trong kỳ	8.660.108.695	-	-	14.355.000	-	-	-	8.674.463.695			
- Mua sắm mới	8.305.774.410	-	-	-	-	-	-	8.305.774.410			
- Tăng khác	354.334.285	-	-	14.355.000	-	-	-	368.689.285			
Số giảm trong kỳ	-	-	(401.813.091)	-	-	-	-	(401.813.091)			
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(401.813.091)	-	-	-	-	(401.813.091)			
Số dư cuối kỳ	28.979.118.670	35.651.882.311	15.317.838.201	157.790.328	-	-	-	80.106.629.510			
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ											
Số dư đầu kỳ	5.516.481.421	10.946.954.397	2.743.468.187	113.238.838	-	-	-	19.320.142.843			
Số tăng trong kỳ	849.358.261	1.723.779.063	707.330.025	14.402.885	-	-	-	3.294.870.234			
- Trích khấu hao	813.924.832	1.723.779.063	707.330.025	12.010.385	-	-	-	3.257.044.305			
- Tăng khác	35.433.429	-	-	2.392.500	-	-	-	37.825.929			
Số giảm trong kỳ	-	-	(117.195.460)	-	-	-	-	(117.195.460)			
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(117.195.460)	-	-	-	-	(117.195.460)			
Số dư cuối kỳ	6.365.839.682	12.670.733.460	3.333.602.752	127.641.723	-	-	-	22.497.817.617			
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Đầu kỳ	14.802.528.554	24.704.927.914	12.976.183.105	30.196.490	-	-	-	52.513.836.063			
Cuối kỳ	22.613.278.988	22.981.148.851	11.984.235.449	30.148.605	-	-	-	57.608.811.893			



8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	9.168.563.636	20.500.000	9.189.063.636
Số tăng trong kỳ	10.500.000.000	-	10.500.000.000
- Tăng khác	10.500.000.000	-	10.500.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	19.668.563.636	20.500.000	19.689.063.636
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	-	14.874.993	14.874.993
Số tăng trong kỳ	-	1.249.998	1.249.998
- Trích khấu hao	-	1.249.998	1.249.998
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	16.124.991	16.124.991
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu kỳ	9.168.563.636	5.625.007	9.174.188.643
Cuối kỳ	19.668.563.636	4.375.009	19.672.938.645

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	8.939.897.618	12.914.769.383
- Công trình Đèn Lữ	4.526.696.703	4.526.696.703
- Xây dựng xưởng Hải Phòng	20.000.000	20.000.000
- Công trình Lai Cách - Hải Dương	200.000.000	-
- Nhà xưởng 1 - Hải Phòng	4.083.629.917	-
- Nhà xưởng 5 - Hưng Yên	-	8.368.072.680
- Công trình khác	109.570.998	-
Mua sắm tài sản cố định	1.600.023.347	101.885.714
- Tài sản khác	1.600.023.347	101.885.714
Sửa chữa lớn tài sản cố định	4.337.000	-
- Sửa chữa văn phòng 309 - Tam Trinh	4.337.000	-
	10.544.257.965	13.016.655.097

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	10.484.817.421
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng (*)	-	10.484.817.421
	<u>-</u>	<u>10.484.817.421</u>

(*) Trên Báo cáo tài chính năm 2009, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Năm 2010, do thay đổi cơ cấu vốn trong Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng, vì vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty con.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSC	2.045.650.925	2.159.245.793
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.762.594.685	2.158.071.532
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	54.111.138	91.652.775
Chi phí trả trước dài hạn khác	51.900.169	92.510.800
	<u>3.914.256.917</u>	<u>4.501.480.900</u>

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	232.548.953.932	183.750.828.155
- Vay ngân hàng	227.009.077.001	179.075.504.397
- Vay tổ chức khác	4.500.000.000	4.500.000.000
- Vay cá nhân, đối tượng khác	1.039.876.931	175.323.758
	<u>232.548.953.932</u>	<u>183.750.828.155</u>

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	7.315.792.940
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội ¹	32.568.479.392	40.532.971.903
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hưng Yên ²	51.267.058.518	54.278.132.230
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai ³	122.210.000.000	75.565.860.712
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên ⁴	20.963.539.091	1.382.746.612
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Lên ⁵	4.500.000.000	4.500.000.000
Vay cá nhân	1.038.693.951	174.269.095
Vay công đoàn Công ty	1.182.980	1.054.663
	<u>232.548.953.932</u>	<u>183.750.828.155</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD0817000002 ngày 18/06/2008, thỏa thuận bổ sung số 03, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay tối đa là 60 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức đến hết 30/03/2011;
 - + Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay theo từng lần nhận tiền vay và được quy định trên từng giấy nhận nợ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là máy móc, thiết bị, hàng tồn kho hình thành từ vốn vay và tài
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD0835100009 ngày 16/12/2008 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay tối đa là 90 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ thời điểm ký thỏa thuận sửa đổi bổ sung;
 - + Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay theo từng lần nhận tiền vay và được quy định trên từng giấy nhận nợ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là máy móc, thiết bị, hàng tồn kho hình thành từ vốn vay và tài
- (3) Hợp đồng tín dụng số 08092009/HĐTDHM-PT ngày 08/09/2009, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay tối đa là 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng;
 - + Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay đối với VND áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm trả sau, kỳ hạn 6 tháng cộng biên độ 3,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi suất cho vay đối với USD áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 6 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,7%/năm và được điều chỉnh 2 tháng một lần;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
 - + Dư nợ gốc đến 30/06/2010 là 92.710.000.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 01.HM-10/PTHY-HM ngày 25/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay tối đa là 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức đến hết 30/05/2010;
 - + Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND, kỳ hạn 6 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,2%/năm và được điều chỉnh 1 tháng một lần. Lãi suất kỳ đầu tiên là 13,5%/năm.
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
 - + Dư nợ gốc đến 30/06/2010 là 29.500.000.000 đồng.

3-0
IV
HUY
TU V
NH K
KIEM T
IN KIEM

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp theo)

- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 09.0206/VCB.HY ngày 21/10/2009 và phụ lục hợp đồng số 09.0206/PL.01/VCB.HY ngày 01/03/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay tối đa là 30 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng;
 - + Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay theo thông báo lãi trong từng thời kỳ của ngân hàng;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (5) Hợp đồng vay vốn số 14/2009-HĐVV ngày 01/12/2009, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Thời hạn vay từ 1 đến 6 tháng;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	8.186.839
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	423.501.223	2.087.763.902
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.940.715.555	10.290.221.100
Thuế Thu nhập cá nhân	16.522.943	4.849.330
	<u>17.380.739.721</u>	<u>12.391.021.171</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	518.516.980	1.456.428.831
Trích trước chi phí phải trả khác	75.544.760	81.375.954
	<u>594.061.740</u>	<u>1.537.804.785</u>

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12.253.398	7.897.692
Bảo hiểm xã hội	11.627.714	10.408.500
Bảo hiểm y tế	17.525.760	9.451
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.200.000	-
Tiền nộp mua cổ phần phát hành thêm của cổ đông	53.642.340.861	-
Phải trả, phải nộp khác	19.885.647	39.338.678
	<u>53.704.833.380</u>	<u>57.654.321</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIÊN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Có phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	110.000.000.000	-	-	373.063.235	-	9.791.849.734	47.411.939.957	167.576.852.926
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	24.271.052.204	24.271.052.204
Lãi từ công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	17.009.247.915	4.786.410.787	(25.864.107.870)	(4.068.449.168)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(373.063.235)	-	-	(11.592.101)	(384.655.336)
Số dư cuối kỳ	110.000.000.000	-	-	-	17.009.247.915	14.578.260.521	34.807.292.190	176.394.800.626

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	-	0,00%	-	0,00%
Vốn góp của đối tượng khác	110.000.000.000	100,00%	110.000.000.000	100,00%
	110.000.000.000	100,00%	110.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	110.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>110.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>110.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>11.000.000.000</i>

Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2009 với tỷ lệ 20%. Trong đó, chi trả bằng tiền mặt là 10% và phát hành cổ phiếu trả cổ tức là 10%.

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>
	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.009.247.915	-
Quỹ dự phòng tài chính	14.578.260.521	9.791.849.734
	<u>31.587.508.436</u>	<u>9.791.849.734</u>

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2010</u>
	<u>đến 30/06/2010</u>
	VND
Doanh thu bán thành phẩm	78.132.007.523
Doanh thu bán hàng hóa	601.037.429.162
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.486.797.904
	<u>680.656.234.589</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	74.119.528.913
Giá vốn của hàng hóa đã bán	556.873.637.096
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	393.979.512
	<u><u>631.387.145.521</u></u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

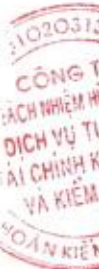
	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	238.830.256
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	457.748.118
	<u><u>696.578.374</u></u>

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Lãi tiền vay	9.433.517.467
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.139.129.200
Chi phí tài chính khác	704.174.097
	<u><u>12.276.820.764</u></u>

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	66.728.136
Chi phí nhân công	549.702.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.686.933
Chi phí khác bằng tiền	173.457.578
	<u><u>1.054.574.881</u></u>



22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	377.104.438
Chi phí nhân công	2.104.127.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	703.405.106
Thuế, phí, lệ phí	42.207.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	864.024.506
Chi phí khác bằng tiền	478.711.510
	<u>4.569.580.376</u>

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.801.867.550
	<u>7.801.867.550</u>

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.372.762.409	1.023.808.481
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	<u>1.372.762.409</u>	<u>1.023.808.481</u>

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ

Từ 01/01/2010
đến 30/06/2010
VND
(348.953.928)
(348.953.928)



24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	24.271.052.204
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.271.052.204
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	11.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.206

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	78.132.007.523	602.524.227.066	680.656.234.589
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.911.054.913	29.690.691.041	31.601.745.954
Tổng chi phí mua tài sản cố định	8.305.774.410	14.355.000	8.320.129.410
Tài sản bộ phận	192.217.128.759	125.139.076.653	317.356.205.412
Tài sản không phân bổ	-	-	290.165.000.618
Tổng tài sản			607.521.206.030
Nợ phải trả của các bộ phận	45.587.366.984	351.552.378.174	397.139.745.158
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	23.624.062.697
Tổng nợ phải trả			420.763.807.855

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009, do đó không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Năm 2009, Chỉ tiêu "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" được trình bày tại Khoản mục "Nguồn kinh phí và quỹ khác". Trong kỳ, do sửa đổi chế độ kế toán, Chỉ tiêu "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" được trình bày tại Khoản mục "Nợ ngắn hạn", vì vậy một số chỉ tiêu đầu kỳ đã được phân loại và trình bày lại để phù hợp với số liệu cuối kỳ:

	Mã số	Phân loại và trình	Đã trình bày trên
		bày lại	báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ phải trả	300	353.339.967.504	351.150.178.871
Nợ ngắn hạn	310	353.137.671.666	350.947.883.033
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	2.189.788.633	-
Vốn chủ sở hữu	400	167.576.852.926	169.766.641.559
Nguồn kinh phí và các quỹ	430	-	2.189.788.633
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	-	2.189.788.633

Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hội
Quyền Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2010